**TỪ VỰNG VỀ CHỦ ĐỀ HỌC TẬP VÀ TRƯỜNG HỌC**

**HỌC THI**

take an exam / sit an exam = thi, kiểm tra

“I’m taking an exam in accountancy next week.” –“ Tôi sẽ thi môn kế toán tuần tới.”

pass an exam = vượt qua một kỳ thi.

“I hope I’ll pass the Maths exam.” –“Tôi hi vọng rằng tôi sẽ qua kỳ thi môn Toán”

get a good / high mark = nhận được điểm cao

“He got a good mark in Spanish.”- “ Anh ấy được một điểm cao môn tiếng Tây Ban Nha”

get a bad / low mark = bị điểm kém

“He got a low mark in Statistics.” –“ Anh ấy bị điểm kém môn Thống Kê”

pass with flying colours = vượt qua kỳ thi với điểm số rất cao.

“Congratulations! You passed with flying colours!” – “Chúng mừng! Bạn đã vượt qua kỳ thì với điểm rất cao!”

scrape a pass = vừa đủ điểm qua

“She scraped a pass in Biology, but it was enough to get her in to University.” – “Cô ấy vừa đủ điểm qua môn Sinh Học, nhưng như vậy là đủ để cô ấy vào Đại Học rồi.”

fail an exam = trượt

“He failed all his exams because he didn’t study hard enough.” – “Anh ấy đã trượt tất cả các bài thi bởi vì đã không học hành chăm chỉ.”

**TRƯỚC KHI THI**

“How do you prepare for an exam? Do you plan regular revision times, or do it all last-minute?”- “Bạn chuẩn bị cho bài thi thế nào? Bạn thường có kế hoạch xem lại bài vài lần không, hay tới phút chót mới xem lại?”

take extra lessons / have private tuition / private coaching = học thêm

“She’s going to take extra lessons to help her pass the exam.”-“Cô ấy sẽ đi học thêm để vượt qua bài thi.’

revise = ôn lại

“Tonight I’m going to revise the Cold War, then it’s the EU tomorrow night.” –“Tối nay tôi sẽ học lại phần Chiến tranh lạnh, sau đó là đến Châu Âu vào tối mai”

swot up = ôn lại

“She’s swotting up for her test tomorrow.”-“Cô ấy sẽ ôn lại cho bài kiểm tra ngày mai.”

cram = luyện thi ( theo cách học nhồi nhét)

“I’ve got to cram for next week’s test.” –“Tôi phải luyện thi cho bài kiểm tra tuần tới.”

**learn by heart / memorise** = học thuộc

“I need to learn the French irregular verbs by heart.”- *“Tôi cần phải học thuộc lòng những động từ tiếng Pháp bất quy tắc”*

**TRONG KỲ THI**

cheat / copy / use a crib sheet = gian lận/ nhòm bài/quay cóp.

Bạn là học sinh loại nào?

stellar = xuất sắc, tinh tú  
hard-working = chăm chỉ  
straight A = toàn điểm A  
plodder = cần cù nhưng không sáng dạ  
mediocre = trung bình  
abysmal = yếu kém, dốt

**CÁC TRƯỜNG HỌC Ở ANH**

**School uniform:**đồng phục học sinh

**PE kit**: trang phục thể thao ở trường.

**Pupil**: học sinh

“In Britain, **pupils** wear a **school uniform**. As well as a particular skirt or pair of trousers, with a specific shirt and jumper, they also have a school **PE kit** .” – “*Ở Anh, học sinh mặc đồng phục. Như chiếc váy ngắn hoặc quần đặc biệt, cùng với chiếc áo sơ mi và, họ cũng có trang phục thể thao nữa.”*

**Primary school:** trường tiểu học

**Secondary school**: trường trung học

Ví dụ: “Most children go to state – run **primary** and **secondary schools.” – “***Hầu hết học sinh đi học ở trường tiểu học và trung học của nhà nước.”*

**Mixed-sex school***:*chung cả hai giới ( trường học cho cả nam và nữ)

**Single-sex school**: học riêng cho từng giới ( trường nữ sinh hoặc nam sinh)

**School fees:** học phí

*“In Britain,* Schools are mostly **mixed**, although there are some **single-sex**schools and a few schools are private, where parents pay **school fees**.”- “*Ở Anh, trường học hầu hết là dành chung cho cả nam và nữ, mặc dù cũng có trường riêng biệt và có một vài trường tư thục, phụ huynh đóng học phí.”*

**Rule** – quy định

**Acceptable behaviour**: hành vi được chấp nhận

**Classroom:**lớp học

“Schools try to have clear **rules** for **acceptable behaviour.**For examples, pupils have to show respect to their teachers**.**Often they have to stand up when their teacher comes into the **classroom**and say “Good morning”. “– “*Trường học có các quy định rõ ràng đối với những hành vi được chấp nhận. Họ thường phải đứng lên khi thầy cô bước tới lớp học và nói “Chào thầy/cô ạ””*

**Break the rule***: vi phạm quy định*

**Sent to the headmaster or headmistress:**gặp thầy/cô hiệu trưởng

**Do detention:**bị phạt ở lại trường

Ví dụ:

“If pupils **break** **the rules**, they can expect to be **sent to the headmaster or headmistress**, or to **do detention**, when they stay behind after the other pupils go home.”- “*Nếu học sinh phạm quy, họ có thể bị gửi tới thầy hiểu trưởng hoặc cô hiệu trưởng, hoặc bị phạt ở lại lớp, họ phải ở lại sau khi các học sinh khác được về nhà.”*

**Lesson**: các bài học

**Packed lunch**: đồ ăn trưa mang theo từ nhà

**School dinner:** bữa tối ở trường

Ví dụ:

“Most schools have**lessons** in the morning and in the afternoon.” *–“Hầu hết các trường đều học vào buổi sáng và buổi chiều.”*

“Pupils can go home for lunch, or have their lunch in school. Some have a **packed**and some eat what the school prepares.” – “*Học sinh có thể về nhà ăn trưa, hoặc ăn trưa ở trường. Một số mang đồ ăn sẵn và một số ăn đồ ăn của trường.”*

“These “**school dinners**” vary in quality.”- “*Bữa tối ở trường có chất lượng khác nhau.”*

**Homework:** bài tập về nhà

**Subject**: môn học

“Pupils can expect to get **homework** for most **subjects**, and there are regular tests to check progress.”*– “Học sinh có thể có bài tập về nhà ở hầu hết các môn học, và có các bài kiểm tra thường xuyên để kiểm tra tiến trình học.”*

**School term:** học kỳ

**Report:** báo cáo học tập

“At the end of each of the three **school terms**, teachers give each pupil a **report**.”– “*Cuối mỗi ba học kỳ, giáo viên đưa cho mỗi học sinh một bản báo cáo.”*

Parents’ evening: buổi họp phụ huynh (vào buổi tối)

“Schools also have a **parents’ evening** each year, when the parents can meet the teachers to discuss their child’s progress.” – “*Nhà trường cũng có buổi họp phụ huynh hàng năm, khi phụ huynh có thể gặp gỡ thầy cô giáo để thảo luận về tiến trình học tập của con em họ.”*

**Sports day:**ngày thể dục thể thao

**School trip:**chuyến đi chơi do trường tổ chức

“Most schools arrange a **sports day** once a year, as well as **school trips** to places of interest” – “*Hầu hết các trường đều tổ chức một ngày hội thể thao một lần trong năm, cũng như các chuyến đi chơi tới những địa điểm thú vị.”*